

Bản án số: 144 /2020/ HN-ST
Ngày: 22-7-2020
“V/v Ly hôn giữa bà T và ông E”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **THÂN VĂN KỲ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không có tham gia.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ KIM T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ 18, ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Ông **NGUYỄN HỮU E**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: tổ 18, ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T, ông E xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:** Do quen biết bà và ông E xác lập quan hệ vợ chồng năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phải sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau làm cho mâu thuẫn càng thêm trầm trọng.

Con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu B, sinh ngày 12/12/2002, đã trưởng thành và Nguyễn Thái V, sinh ngày 18/01/2007, hiện đang sống cùng bà.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông E. Con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thái V, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu E tại tờ tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông cũng đồng ý ly hôn bà T. Con chung đồng ý để bà T nuôi cháu Nguyễn Thái V, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/6/2020 bà T, ông E có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, bà T và ông E đã có thời gian tìm hiểu nhau trước khi xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000. Ông bà chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án ông bà thống nhất ly hôn nhau. Tuy nhiên, do ông bà chung sống với nhau đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà T và ông E là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu B, sinh ngày 12/12/2002, đã trưởng thành và Nguyễn Thái V, sinh ngày 18/01/2007, hiện đang sống cùng bà T. Xét thấy, cháu V hiện vẫn phát triển bình thường, bà T và ông E đều thống nhất tiếp tục để cháu V cho bà T nuôi dưỡng. Xét đây là quyền tự định đoạt đương sự, phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu E là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thái V, sinh ngày 18/01/2007 cho bà Nguyễn Thị Kim T nuôi dưỡng.

Đối với con chung Nguyễn Hữu B, sinh ngày 12/12/2002 đã thành niên.

2.2. Ông Nguyễn Hữu E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003468 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Bà T, ông E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

